

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2025/DS-PT
Ngày: 04/7/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Tôn Văn Thông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Yên Mai - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 120/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2025/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1891/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn N, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã Bảo Thạnh, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Bùi Quốc V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp H, xã B, tỉnh Vĩnh Long). (có mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

* **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Mộng T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2024, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông Bùi Quốc V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T có tham gia chơi 07 dây hội do nguyên đơn ông Phạm Văn N làm chủ hội, 07 dây hội bà T đều hốt hội xong, khi hốt hội bà T có ký vào giấy nhận tiền cho ông N giữ. Cụ thể:

Dây 1: Dây hội khui ngày 10/4/2020 (âm lịch), dây hội 2.000.000 đồng, gồm 23 phần, bà T tham gia chơi 03 phần, đến kỳ hội thứ 06, 07, 08 thì bà T hốt hội và ông N đã giao đủ tiền hội cho bà T. Sau khi hốt hội thì bà T có đóng hội chết cho ông N đến kỳ hội thứ 14 (ngày 10/5/2021), còn 09 tháng hội chết từ kỳ hội thứ 15 đến kỳ hội thứ 23 (từ 10/6/2021 đến 10/02/2022) thì bà T không đóng nữa nên ông N phải thay bà T đóng cho các hội viên còn lại, dây hội này mãi vào ngày 10/02/2022 (âm lịch). Như vậy, dây hội này bà T còn nợ ông N số tiền hội là 09 tháng x 2.000.000 đồng x 03 phần = 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

Dây 2: Dây hội khui ngày 10/8/2020 (âm lịch), dây hội 2.000.000 đồng, gồm 28 phần, bà T tham gia chơi 02 phần, đến kỳ hội thứ 03, 04 thì bà T hốt hội và ông N đã giao đủ tiền hội cho bà T. Sau khi hốt hội thì bà T có đóng hội chết cho ông N đến kỳ hội thứ 10 (ngày 10/5/2021), còn 18 tháng hội chết từ kỳ hội thứ 11 đến kỳ hội thứ 28 (từ ngày 10/6/2021 đến 10/11/2022) thì bà T không đóng nữa nên ông N phải thay bà T đóng cho các hội viên còn lại, dây hội này mãi vào ngày 10/11/2022 (âm lịch). Như vậy, dây hội này bà T còn nợ ông N số tiền hội là 18 tháng x 2.000.000 đồng x 02 phần = 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng).

Dây 3: Dây hội khui ngày 10/8/2020 (âm lịch), dây hội 3.000.000 đồng, gồm 27 phần, bà T tham gia chơi 02 phần, đến kỳ hội thứ 04, 07 thì bà T hốt hội và ông N đã giao đủ tiền hội cho bà T. Sau khi hốt hội thì bà T có đóng hội chết cho ông N đến kỳ hội thứ 10 (ngày 10/5/2021), còn 17 tháng hội chết từ kỳ hội thứ 11 đến kỳ hội thứ 27 (từ 10/6/2021 đến 10/10/2022) thì bà T không đóng nữa nên ông N phải thay bà T đóng cho các hội viên còn lại, dây hội này mãi vào ngày 10/10/2022 (âm lịch). Như vậy, dây hội này bà T còn nợ ông N số tiền hội là 17 tháng x 3.000.000 đồng x 02 phần = 102.000.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu đồng).

Dây 4: Dây hội khui ngày 05/6/2020 (âm lịch), dây hội 2.000.000đ, gồm 27 phần, bà T tham gia chơi 02 phần, đến kỳ hội thứ 07 và thứ 08 thì bà T hốt hội và ông N đã giao đủ tiền hội cho bà T. Sau khi hốt hội thì bà T có đóng hội chết cho ông N đến kỳ hội thứ 12 (ngày 05/5/2021), còn 12 tháng hội chết từ kỳ hội thứ 13 đến kỳ hội thứ 24 (từ 05/6/2021 đến 05/5/2022) thì bà T không đóng nữa nên ông N phải thay bà T đóng cho các hội viên còn lại, dây hội này mãi vào ngày 05/5/2022 (âm lịch). Như vậy, dây hội này bà T còn nợ ông N số tiền hội là 12 tháng x 2.000.000 đồng x 02 phần = 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Dây 5: Dây hụi khui ngày 25/11/2020 (âm lịch), dây hụi 1.000.000đ, gồm 22 phần, bà T tham gia chơi 04 phần, dây hụi này thì bà T đã hốt hụi cả 04 phần tại các kỳ hụi thứ 01, 03, 04, 05 và ông N đã giao đủ tiền hụi cho bà T. Sau khi hốt hụi thì bà T có đóng hụi chết cho ông N đến kỳ hụi thứ 12 (ngày 25/10/2021), còn 10 tháng hụi chết từ kỳ hụi thứ 13 đến kỳ hụi thứ 22 (từ 25/11/2021 đến 25/8/2022) thì bà T không đóng nữa nên ông N phải thay bà T đóng cho các hụi viên còn lại, dây hụi này mẫn vào ngày 25/8/2022 (âm lịch). Như vậy, dây hụi này bà T còn nợ ông N số tiền hụi là $10 \text{ tháng} \times 1.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ phần} = 40.000.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi triệu đồng).

Dây 6: Dây hụi khui ngày 25/01/2021 (âm lịch), dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 phần, bà T tham gia chơi 1 phần, đến kỳ hụi thứ 03 thì bà T hốt hụi và ông N đã giao đủ tiền hụi cho bà T. Sau khi hốt hụi thì bà T có đóng hụi chết cho ông N đến kỳ hụi thứ 04 (ngày 25/4/2021), còn 16 tháng hụi chết từ kỳ hụi thứ 5 đến kỳ hụi thứ 20 (từ 25/5/2021 đến 25/8/2022) thì bà T không đóng nữa nên ông N phải thay bà T đóng cho các hụi viên còn lại, dây hụi này mẫn vào ngày 25/8/2022 (âm lịch). Như vậy, dây hụi này bà T còn nợ ông N số tiền hụi là $16 \text{ tháng} \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} = 32.000.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi hai triệu đồng).

Dây 7: Dây hụi khui ngày 20/4/2021 (âm lịch), dây hụi 5.000.000 đồng, gồm 15 phần, bà T tham gia chơi 01 phần, đến kỳ hụi thứ 01 thì bà T hốt hụi và ông N đã giao đủ tiền hụi cho bà T. Sau khi hốt hụi thì bà T không có đóng 14 tháng hụi chết còn lại cho ông N nên ông N phải thay bà T đóng cho các hụi viên còn lại, dây hụi này mẫn vào ngày 20/6/2022 (âm lịch). Như vậy, dây hụi này bà T còn nợ ông N số tiền hụi là $14 \text{ tháng} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} = 70.000.000 \text{ đồng}$ (Bảy mươi triệu đồng).

Như vậy, tính đến ngày 10/10/2022 (âm lịch) nhằm ngày 03/11/2022 (dương lịch) thì bà T còn nợ ông N số tiền hụi là: $54.000.000 \text{ đồng} + 72.000.000 \text{ đồng} + 102.000.000 \text{ đồng} + 48.000.000 \text{ đồng} + 40.000.000 \text{ đồng} + 32.000.000 \text{ đồng} + 70.000.000 \text{ đồng} = 418.000.000 \text{ đồng}$ (Bốn trăm mười tám triệu đồng).

Từ tháng 11/2021 đến ngày 13/01/2024 trả dần được 87.000.000 đồng. Sau đó, bà T không đóng tiếp lần nào nữa nên ông N nộp đơn khởi kiện bà T ra Tòa, khi Tòa thụ lý giải quyết thì ngày 23/8/2024 bà T có trả tiếp cho ông N thêm 5.000.000 đồng nên tổng cộng số tiền bà T trả tiền hụi cho ông N là 92.000.000 đồng. Như vậy, số tiền hụi mà bà T còn nợ của ông N là 326.000.000 đồng.

Do đó, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền là: 392.920.000 đồng. Trong đó:

+ Số tiền hụi: 326.000.000 đồng.

+ Tiền lãi tạm tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày xét xử hôm nay với mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 66.920.000 đồng và tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 10%/năm cho đến ngày trả hết nợ.

Ông N làm chủ hội, tiền này là tiền riêng của ông N, không có liên quan đến bà L vợ ông N, bà L cũng có đơn xác nhận không có liên quan gửi cho Tòa.

** Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:*

Bà có tham gia chơi 07 dây hội do ông N làm chủ hội. Khi bà chơi hội lúc hốt hội 02 bên giao nhận tiền hốt hội thì ông N có đưa biên nhận cho bà ký tên nhận tiền hội, khi bà đóng lại thì ông N có ghi vào sổ cho bà giữ là quyền vở học sinh bà đã nộp cho Tòa. Cụ thể:

- Dây 1: Dây hội khai ngày 10/4/2020 (âm lịch), dây hội 2.000.000 đồng, gồm 23 phần, bà tham gia chơi 03 phần, đến kỳ hội thứ 06, 07, 08 thì bà hốt hội và ông N đã giao đủ tiền hội cho bà với số tiền là 106.130.000 đồng.

Sau khi hốt hội thì bà có đóng hội chết cho ông N đến kỳ hội thứ 14 (ngày 10/5/2021) với số tiền là 72.430.000 đồng.

Số tiền gốc đã hốt hơn số tiền đã đóng lại là 106.130.000 đồng – 72.430.000 đồng = 33.700.000 đồng.

Còn 09 tháng hội chết x 6.000.000 đồng = 54.000.000 đồng.

- Dây 2: Dây hội khai ngày 10/8/2020 (âm lịch), dây hội 2.000.000 đồng, gồm 28 phần, bà tham gia chơi 02 phần, đến kỳ hội thứ 03, 04 thì bà hốt hội và ông N đã giao đủ tiền hội cho bà với số tiền là 87.250.000 đồng.

Sau khi hốt hội thì bà có đóng hội chết cho ông N 10 lần với số tiền là 30.190.000 đồng.

Số tiền gốc đã hốt hơn số tiền đã đóng là 57.060.000 đồng.

Còn 18 tháng hội chết x 4.000.000 đồng = 72.000.000 đồng.

- Dây 3: Dây hội khai ngày 10/8/2020 (âm lịch), dây hội 3.000.000 đồng, gồm 27 phần, bà tham gia chơi 02 phần, đến kỳ hội thứ 04, 07 thì bà hốt hội và ông N đã giao đủ tiền hội cho bà với số tiền là 117.910.000 đồng.

Sau khi hốt hội thì bà có đóng hội chết cho ông N 10 lần với số tiền là 60.000.000 đồng.

Số tiền gốc đã hốt hơn số tiền đã đóng là 57.910.000 đồng.

Còn 17 tháng hội chết x 6.000.000 đồng = 102.000.000 đồng.

- Dây 4: Dây hội khai ngày 05/6/2020 (âm lịch), dây hội 2.000.000 đồng, gồm 27 phần, bà tham gia chơi 02 phần, đến kỳ hội thứ 07, 08 thì bà hốt hội và ông N đã giao đủ tiền hội cho bà với số tiền là 73.210.000 đồng.

Sau khi hốt hụi thì bà có đóng hụi chết cho ông N 12 lần với số tiền là 30.190.000 đồng.

Số tiền gốc đã hốt hơn số tiền đã đóng là 33.890.000 đồng.

Còn 12 tháng hụi chết x 4.000.000đ = 48.000.000 đồng.

- Dây 5: Dây hụi khui ngày 25/11/2020 (âm lịch), dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 22 phần, bà tham gia chơi 04 phần, dây hụi này thì bà đã hốt hụi cả 04 phần tại các kỳ hụi thứ 01, 03, 04, 05 và ông N đã giao đủ tiền hụi cho bà với số tiền là 65.790.000 đồng.

Sau khi hốt hụi thì bà có đóng hụi chết cho ông N 12 lần với số tiền là 47.500.000 đồng.

Số tiền gốc đã hốt hơn số tiền đã đóng là 18.290.000 đồng.

Còn 10 tháng hụi chết x 4.000.000 đồng = 40.000.000 đồng.

- Dây 6: Dây hụi khui ngày 25/01/2021 (âm lịch), dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 phần, bà tham gia chơi 01 phần, đến kỳ hụi thứ 03 thì bà hốt hụi và ông N đã giao đủ tiền hụi cho bà với số tiền là 29.860.000 đồng.

Sau khi hốt hụi thì bà có đóng hụi chết cho ông N 04 lần với số tiền là 19.760.000 đồng.

Số tiền gốc đã hốt hơn số tiền đã đóng là 19.760.000 đồng.

Còn 16 tháng hụi chết x 2.000.000đ = 32.000.000 đồng.

- Dây 7: Dây hụi khui ngày 24/4/2021 (âm lịch), dây hụi 5.000.000 đồng, gồm 15 phần, bà tham gia chơi 01 phần, vào kỳ hụi thứ 01 thì bà hốt hụi và ông N đã giao đủ tiền hụi cho bà với số tiền là 60.000.000 đồng.

Sau khi hốt hụi thì bà có đóng hụi chết cho ông N 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng.

Số tiền gốc đã hốt hơn số tiền đã đóng là 55.000.000 đồng.

Còn 14 tháng hụi chết x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc bà đã hốt nhiều hơn số tiền bà đã đóng lại là 275.610.000 đồng.

Bà có trả cho ông N được số tiền: 92.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc hụi ông Nhân đã giao bà còn nợ ông N: 275.610.000 đồng – 92.000.000 đồng = 183.610.000 đồng.

Do đang khó khăn làm ăn không được thuận lợi, không có tiền đóng hụi chết nên bà xin ông N cho bà trả dần và ông N đã đồng ý cho bà trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng sau đó thì có nhiều trả nhiều cũng được nên có lần bà trả 5.000.000 đồng, có lần trả 3.000.000 đồng, có lần trả 2.000.000 đồng, bà trả dần lần hồi đến 23/8/2024 được 92.000.000 đồng. Khi đó ông N không có nói sẽ tính tiền lãi,

nay yêu cầu trả lãi bà không đồng ý. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin trả vốn số tiền đã nhận của ông N hiện còn nợ là 183.610.000 đồng.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long) đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long), tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn N số tiền hui 359.791.790 đồng, trong đó gồm vốn là 326.000.000 đồng, lãi là 33.791.790 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn trả lãi của nguyên đơn chênh lệch là 33.128.210 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/02/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long), yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận cho bà trả nợ gốc cho ông N với số tiền 183.610.000 đồng.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Quốc V trình bày:*

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh

Long).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T phải có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền là 392.920.000 đồng, trong đó số tiền hui nợ gốc là 326.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày xét xử 22/01/2025 với mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 66.920.000 đồng và tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 10%/năm cho đến ngày trả hết nợ. Bị đơn bà T không đồng ý vì bà cho rằng ông N đã đồng ý cho bà trả nợ gốc và không yêu cầu tính lãi nên bà chỉ đồng ý trả nợ gốc cho ông N với số tiền 183.610.000 đồng.

[2] Xét thấy, căn cứ các Biên nhận hui do ông N cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn bà T có cơ sở xác định bà T có tham gia 07 dây hui gồm Dây 1: Dây hui khui ngày 10/4/2020 (âm lịch); Dây 2: Dây hui khui ngày 10/8/2020 (âm lịch); Dây 3: Dây hui khui ngày 10/8/2020 (âm lịch); Dây 4: Dây hui khui ngày 05/6/2020 (âm lịch); Dây 5: Dây hui khui ngày 25/11/2020 (âm lịch); Dây 6: Dây hui khui ngày 25/01/2021 (âm lịch); Dây 7: Dây hui khui ngày 20/4/2021 (âm lịch). Bà T cũng thống nhất với ông N về số tiền hui mà bà T đã hót của 07 dây hui nêu trên, số tiền đã trả cho ông N là 92.000.000 đồng và số tiền nợ hui chết của bị đơn với nguyên đơn là 326.000.000 đồng. Bà T chỉ đồng ý trả số tiền nợ vốn theo số tiền thực nhận hui khi hót, không đồng ý trả tiền nợ hui theo nguyên tắc chơi hui khi hui chết là không phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Đồng thời, bà T cũng không có chứng cứ chứng minh ông N đồng ý cho bà chỉ trả nợ gốc và không yêu cầu tính lãi. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn trả lãi cho nguyên đơn số tiền chênh lệch là 33.128.210 đồng nhưng nguyên đơn không kháng cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên buộc bà T trả cho nguyên đơn số tiền hui 359.791.790 đồng, trong đó gồm tiền vốn là 326.000.000 đồng và tiền lãi là 33.791.790 đồng là có căn cứ. Bị đơn bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 22/01/2025 của

Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long). Cụ thể:

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn N số tiền hụi 359.791.790đ (Ba trăm năm mươi chín triệu bảy trăm chín mươi một nghìn bảy trăm chín mươi đồng), trong đó gồm vốn là 326.000.000 đồng, lãi là 33.791.790 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn trả lãi của nguyên đơn chênh lệch là 33.128.210đ (Ba mươi ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc nguyên đơn ông Phạm Văn N phải nộp án phí là 1.656.410đ (Một triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm mười đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.517.000đ (Chín triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002507 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long). Nguyên đơn ông N được nhận lại số tiền còn dư là 7.860.590đ (Bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi đồng).

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T phải nộp án phí số tiền là 17.989.589đ (Mười bảy triệu chín trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007284 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND huyện B (nay là TAND khu vực 8 - Vĩnh Long) (1b);
- Chi cục THADS huyện B (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long) (1b);
- Phòng GD, KT, TT và THA; VP (3b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt